

Bản án số: 10/2019/KDTM-ST

Ngày 15-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Ông Phạm Duy Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 621/2019/QĐXXST- KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 654/2019/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(VPBank); địa chỉ trụ sở: Đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, ông Hoàng Thái S, ông Nguyễn Trọng P; chức vụ: đều là cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, theo văn bản ủy quyền số 2211/2019/UQ-VPB ngày 15/3/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; đều là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; ông Thứ vắng mặt, ông Sơn, ông Phước; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H; địa chỉ trụ sở: Tập thể X, ngõ T, đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Trung H; chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải T - là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đỗ Trung H; địa chỉ: Tập thể X, ngõ T, đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn T; địa chỉ: Tập thể X, ngõ T, đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2019, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là (VPBank) và Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H (sau đây gọi tắt là Công ty Trung H) ký các Hợp đồng tín dụng hạn mức, các khế ước nhận nợ để Công ty vay vốn tại Ngân hàng với tổng số tiền 5.193.750.000 (năm tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, cụ thể tại các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 111214-1227072-01- SME ngày 12/12/2014 vay 412.750.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 241214-1227072-01-SME ngày 05/01/2015 vay 1.235.000.000 đồng; số 210715-1227072- 01- SME ngày 23/7/2015 vay 630.000.000 đồng; số 230116-1227072-01-SME ngày 25/01/2016 vay 750.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 300316-1227072-01-SME ngày 30/3/2016 vay 1.414.000.000 đồng; số 280416-1227072-01-SME ngày 28/4/2016 vay 752.000.000 đồng. Thời hạn vay: 24, 36, 48, 60 tháng; mục đích vay: Thanh toán một phần mua xe đầu kéo và xe sơ mi rơ moóc và bổ sung vốn kinh doanh trả góp định kỳ, bổ sung vốn để mở rộng, phát triển kinh doanh. Lãi suất 11,8%/ năm, 11,45%/năm, 16,75%/năm; lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên bao gồm:

Tài sản 1: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C-114.57, số khung 7HH3EY201065 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006520 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/12/2014 mang tên Công ty Trung H;

Tài sản 2: 01 xe đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C- 116.04, số khung 7HH7EY 200937, số máy 26P14J009002 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007314 do phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/2014 mang tên Công ty Trung H;

Tài sản 3: 01 xe Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-051.95; số khung 3GE8EOTJV979 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơ mi Rơ Moóc số 001764 do phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/2014 mang tên Công ty Trung H;

Tài sản 4: 01 xe Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-050.83; số khung 3GE6EOTJV978 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơ mi Rơ Moóc số 001753 do phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/2014 mang tên Công ty Trung H;

Tài sản 5: 01 xe đầu kéo, nhãn hiệu FAW, BKS: 15C-158.33, số khung: ULB9FAD03202 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017248 do phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/07/2015 mang tên Công ty Trung H;

Tài sản 6: 01 xe Sơ mi Rơ Moóc, nhãn hiệu JUPITER, BKS: 15R-083.27, số khung: NS76F0LTW528 theo giấy chứng nhận đăng ký Sơ mi Rơ Moóc số 009086 do phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/3/2016 mang tên Công ty Trung H;

Tài sản 7: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROSTAR, BKS: 15C-199.24, số khung SJR6CN6084454 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028912 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/03/2016 mang tên Công ty Trung H;

Tài sản 8: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROTAR, BKS: 15C-198.43, số khung SJR7CN467826 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028909 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/03/2016 mang tên Công ty Trung H;

Tài sản 9: 01 xe Sơ mi Rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS: 15R-108.84, số khung KC8XG11NS022 theo giấy chứng nhận đăng ký Sơ mi Rơ moóc số 009271 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/03/2016 mang tên Công ty Trung H;

Tài sản 10: 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA SORENTO, BKS: 15A-247.16 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030560 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/04/2016 mang tên Công ty Trung H.

(Các tài sản bảo đảm trên được thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 111214-1227072-01- SME/TC ngày 11/12/2014; số 241214-1227072-01- SME/TC ngày 05/01/2015; số 210715-1227072-01- SME/TC ngày 23/7/2015; số 300316-1227072-01-SME/TC ngày 30/3/2016; số 280416-1227072-01-SME/TC ngày 28/4/2016).

Ngoài ra, ông Đỗ Trung Hvà ông Hoàng Văn Tđã ký Hợp đồng bảo lãnh số: 111214-1227072-01-SME/HĐBL ngày 12/12/2014 và Hợp đồng bảo lãnh số: 210715-1227072-01-SME/HĐBL ngày 23/07/2015 đồng ý sử dụng toàn bộ tài sản của mình để bảo lãnh cho các khoản vay của mang tên Công ty Trung H tại các Hợp đồng tín dụng khác ký giữa bên được bảo lãnh và bên VPBank các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các kế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

VPBank, đã giải ngân cho Công ty Trung H tổng số tiền 5.193.750.000 đồng, theo các Kế ước nhận nợ số 111214-1227072-01- SME ngày 12/12/2014; số 241214-1227072-01-SME ngày 05/01/2015; số 210715-1227072- 01- SME ngày 23/7/2015; số 250116-1227072-01-SME ngày 25/01/2016; số 280416-1227072- 01-SME ngày 28/4/2016.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, mang tên Công ty Trung H trả nợ được cho VPBank tổng số tiền là 3.960.917.897; trong đó: Nợ gốc: 3.040.660.000 đồng; nợ lãi: 920.257.897 đồng. Kể từ năm 2018 cho đến nay, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank. VPBank đã đôn đốc Công ty nhiều lần về việc thanh toán nợ nhưng mang tên Công ty Trung H vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tính đến ngày 15/11/2019, Công ty Trung H còn nợ VPBank tổng số tiền là: 3.023.234.420 đồng; trong đó: Nợ gốc: 2.153.090.000đồng; nợ lãi trong hạn: 17.380.873 đồng; nợ lãi quá hạn: 852.763.547 đồng.Vì vậy, Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết đối với Công ty Trung H những nội dung sau:

1. Yêu cầu Tòa án buộc Công ty Trung H phải thanh toán cho VPBank số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/11/2019 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký số 111214-1227072-01-SME ngày12/12/2014; số 241214-1227072-01-SME ngày 05/01/2015; số 210715-1227072- 01- SME ngày 23/7/2015; số 230116-1227072-01-SME ngày 25/01/2016; số 300316-1227072-01-SME ngày 30/3/2016; số 280416-1227072-01-SME ngày 28/4/2016 với tổng số tiền là 3.023.234.420 (ba tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm hai mươi) đồng; trong đó: Nợ gốc: 2.153.090.000đồng; nợ lãi trong hạn: 17.380.873 đồng; nợ lãi quá hạn: 852.763.547 đồng.

2. Công ty Trung H tiếp tục phải trả khoản tiền lãi, theo đúng thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng và các kế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi Công ty Trung H thanh toán hết nợ cho VPBank.

3. Trường hợp Công ty Trung H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của Công ty Trung H để thu hồi nợ. Cụ thể các tài sản bảo đảm gồm: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C- 114.57; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C- 116.04; 01 xe Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-051.95; 01 xe Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu

DALI, BKS: 15R-050.83; 01 xe đầu kéo, nhãn hiệu FAW, BKS: 15C-158.33; 01 xe Sơ mi Rơ Moóc, nhãn hiệu JUPITER, BKS: 15R-083.27; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROSTAR, BKS: 15C-199.24; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROTAR, BKS: 15C-198.43; 01 xe Sơ mi Rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS: 15R-108.84; 01 xe ô tô KIA SORENTO, BKS: 15A-247.16 (Các xe trên đứng tên chủ sở hữu Công ty Trung H).

4. Trường hợp sau khi xử lý xong hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty Trung H vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Trung H để thu hồi nợ.

5. Trong trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Trung H vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty Trung H tại VPBank, thì VPBank có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Đỗ Trung H có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty Trung H tại Hợp đồng tín dụng số 111214-1227072-01- SME ngày 12/12/2014 theo Hợp đồng bảo lãnh số 111214-1227072-01- SME/HĐBL ngày 12/12/2014; Hợp đồng tín dụng số 210715-1227072-01 SME ngày 23/7/2015 theo Hợp đồng bảo lãnh số 210715-1227072-01-SME/HĐBL ngày 23/7/2015 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác; ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty Trung H tại Hợp đồng tín dụng số 111214-1227072-01- SME ngày 12/12/2014 và Hợp đồng bảo lãnh số 111214-1227072-01- SME/HĐBL ngày 12/12/2014 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác.

Quan điểm của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Trung H, ông Hoàng Văn T. Nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty Trung H không hợp tác, không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Trung H, ông Hoàng Văn T và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 165/CV-TA đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cung cấp cho Tòa án thông tin của các xe nói trên của Công ty Trung H. Tại công văn số 660/PC08-QLX ngày 26/4/2019 Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cung cấp các xe nói trên vẫn mang tên Công ty Trung H và chưa sang tên, chuyển nhượng cho cá nhân, tổ chức nào.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 10/5/2019 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định được (04) tài sản bảo đảm gồm: 01 xe đầu kéo BKS 15C-158.33; 01 xe đầu kéo BKS 15C- 116.04; 01 xe ô tô đầu kéo BKS 15C-114.57; 01 xe Sơ mi Rơ

moóc BKS 15R-083.27 vẫn thuộc sở hữu của Công ty Trung H. Còn lại (06) tài sản bảo đảm gồm: 01 Sơ mi Rơ moóc, BKS 15R-051.95; 01 Sơ mi Rơ moóc, BKS 15R-050.83; 01 xe ô tô đầu kéo, BKS 15C-199.24; 01 xe ô tô đầu kéo, BKS 15C-198.43; 01 xe Sơ mi Rơ moóc, BKS 15R-108.84; 01 xe ô tô KIA SORENTO, BKS 15A-247.16 đều mang tên Công ty Trung H nhưng nay không xác định được ở đâu, người quản lý là ai, nên VPBank đề nghị khi nào tìm thấy các tài sản này thì VPBank đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại để thu hồi nợ.

Tại phiên toà:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu ở trên, tính đến ngày 15/11/2019 với tổng số tiền nợ là: 3.023.234.420 đồng; trong đó: Nợ gốc: 2.153.090.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 17.380.873 đồng; nợ lãi quá hạn: 852.763.547 đồng.

Công ty Trung H tiếp tục phải trả khoản tiền lãi, theo đúng thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng và các kế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi Công ty Trung H thanh toán hết nợ cho VPBank.

Trường hợp Công ty Trung H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho VPBank, thì khi VPBank đề nghị Cơ quan thi hành án phát mại bốn (04) tài sản bảo đảm dưới đây để thu hồi nợ gồm: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C-114.57; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C-116.04; 01 xe đầu kéo, nhãn hiệu FAW, BKS: 15C-158.33; 01 xe Sơ mi Rơ Moóc, nhãn hiệu JUPITER, BKS: 15R-083.27.

Đối với 06 tài sản bảo đảm còn lại: 01 Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-051.95; 01 Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-050.83; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROSTAR, BKS: 15C-199.24; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROTAR, BKS: 15C-198.43; 01 xe Sơ mi Rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS: 15R-108.84; 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SORENTO, BKS: 15A-247.16. VPBank đề nghị khi nào tìm thấy các tài sản này thì VPBank có quyền nộp bổ sung yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại để tiếp tục xử lý thu hồi nợ.

- Bị đơn, người đại diện hợp pháp của Công ty Trung H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Trung H vắng mặt không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T vắng mặt. Tuy nhiên, sau khi Tòa án có văn bản đề nghị Công an quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xem xét có dấu hiệu tẩu tán tài sản của Công ty Trung H hay không. Ngày 04/9/2019 Cơ quan Công an quận Ngô Quyền đã làm việc với ông Thăng, ông Thăng xác nhận tháng 11/2015 có tham gia đóng góp đầu tư 500.000.000 đồng vào

Công ty. Từ năm 2017 Công ty Trung H làm ăn thua lỗ, ông đã rút vốn ra khỏi Công ty Trung H, không còn liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Thời điểm ông Thắng rút vốn ra khỏi Công ty vẫn còn hoạt động. Hiện nay ông cũng không biết những tài sản của Công ty Trung H hiện nay đang ở đâu, do ai quản lý.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Trung H, ông Hoàng Văn T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập chứng cứ trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 121, 122, 342, 351, 355, 471, 473, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng; áp dụng vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPBank buộc: Công ty Trung H phải thanh toán cho VPBank số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/11/2019 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký số 111214-1227072-01- SME ngày 12/12/2014; số 241214-1227072-01-SME ngày 05/01/2015; số 210715-1227072- 01- SME ngày 23/7/2015; số 230116-1227072-01-SME ngày 25/01/2016; số 300316-1227072-01-SME ngày 30/3/2016; số 280416-1227072-01-SME ngày 28/4/2016 với tổng số tiền là 3.023.234.420 đồng; trong đó: Nợ gốc: 2.153.090.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 17.380.873 đồng; nợ lãi quá hạn: 852.763.547 đồng. Công ty Trung H tiếp tục phải trả khoản tiền lãi, theo đúng thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng và các kế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi Công ty Trung H thanh toán hết nợ cho VPBank. Trường hợp Công ty Trung H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên phát mại bốn (04) tài sản bảo đảm dưới đây để thu hồi nợ gồm: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C-114.57; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C- 116.04; 01 xe đầu kéo, nhãn hiệu FAW, BKS: 15C-158.33; 01 xe Sơ mi Rơ Moóc, nhãn hiệu JUPITER, BKS: 15R-083.27; đối với 06 tài sản bảo đảm còn lại: 01 Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-051.95; 01 Sơ mi Rơ

moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-050.83; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROSTAR, BKS: 15C-199.24; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROTAR, BKS: 15C-198.43; 01 xe Sơ mi Rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS: 15R-108.84; 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SORENTO, BKS: 15A-247.16. VPBank đề nghị khi nào tìm thấy các tài sản này thì VPBank có quyền nộp bổ sung yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại để tiếp tục xử lý thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp sau khi xử lý xong hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty Trung H vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ, thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Trung H để thu hồi nợ. Trong trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Trung H vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty Trung H tại VPBank, thì VPBank có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Đỗ Trung H và ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty Trung H tại các Hợp đồng tín dụng số 111214-1227072-01-SME ngày 12/12/2014; số 241214-1227072-01-SME ngày 05/01/2015; số 210715-1227072-01-SME ngày 23/7/2015; số 230116-1227072-01-SME ngày 25/01/2016; số 300316-1227072-01-SME ngày 30/3/2016; số 280416-1227072-01-SME ngày 28/4/2016 và theo Hợp đồng bảo lãnh số 111214-1227072-01-SME/HĐBL ngày 12/12/2014; Hợp đồng bảo lãnh số 210715-1227072-01-SME/HĐBL ngày 23/7/2015. Công ty Trung H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án Kinh doanh thương mại tranh chấp về các Hợp đồng tín dụng dài hạn giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bị đơn là Công ty Cổ phần đầu tư vận tải Trung H khởi kiện trong thời hạn luật định. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn giải quyết vụ án:

[2] Ngày 22 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng thụ lý vụ án. Ngày 22 tháng 7 năm 2019, Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2019. Ngày 23 tháng 9 năm

2019, Tòa án ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án. Đến ngày 11 tháng 10 năm 2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và tiến hành niêm yết nhiều lần các văn bản tố tụng đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Trung H, ông Hoàng Văn T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Song bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng:

[4] Các Hợp đồng tín dụng số 111214-1227072-01- SME ngày 12/12/2014; số 241214-1227072-01-SME ngày 05/01/2015; số 210715-1227072-01-SME ngày 23/7/2015; số 230116-1227072-01-SME ngày 25/01/2016; số 300316-1227072-01-SME ngày 30/3/2016; số 280416-1227072-01-SME ngày 28/4/2016 ký giữa nguyên đơn và bị đơn đều tuân thủ quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên các hợp đồng là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay theo thỏa thuận, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như cam kết. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 9 của các Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử 15/11/2019. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện của

nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 2.153.090.000 đồng.

- Xét yêu cầu trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn:

[6] Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay tại các hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo các bên cam kết trong hợp đồng, phù hợp với chính sách lãi suất của VPBank trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay, xác định: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền nợ lãi trong hạn là 17.380.873 đồng; nợ lãi quá hạn: 852.763.547 đồng. Xét, cần chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của nguyên đơn đối với bị đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

- Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng:

[7] Xét các Hợp đồng thế chấp số 111214-1227072-01- SME/TC ngày 11/12/2014; số 241214-1227072-01-SME/TC ngày 05/01/2015; số 210715-1227072-01- SME/TC ngày 23/7/2015; số 300316-1227072-01-SME/TC ngày 30/3/2016; số 280416-1227072-01-SME/TC ngày 28/4/2016 giữa VPBank và Công ty Trung H và các Hợp đồng bảo lãnh ký ngày 12/12/2014 và ngày 23/7/2015 giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa đều được các bên tự nguyện ký, hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp Công ty Trung H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VPBank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án phát mại 04 tài sản thế chấp hiện đã được xem xét thẩm định tại chỗ để thu hồi nợ, gồm: 01 xe đầu kéo, nhãn hiệu FAW, BKS: 15C-158.33; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C- 116.04; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C-114.57; 01 xe Sơ mi Rơ Moóc, nhãn hiệu JUPITER, BKS: 15R-083.27.

[8] Đối với 06 tài sản bảo đảm còn lại: 01 Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-051.95; 01 Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-050.83; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROSTAR, BKS: 15C-199.24; 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROTAR, BKS: 15C-198.43; 01 xe Sơ mi Rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS: 15R-108.84; 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SORENTO, BKS: 15A-247.16. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Trung H không hợp tác, VPBank không cung cấp được hiện nay các xe trên đang ở đâu, do ai quản lý, sử dụng nên VPBank đề nghị khi nào tìm thấy các tài sản này thì

VPBank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại để thu hồi nợ.

[9] Đối với ý kiến của ông Hoàng Văn T xác nhận trước là Cổ đông của Công ty Trung H. Từ năm 2017 Công ty Trung H làm ăn thua lỗ, ông đã rút vốn ra khỏi Công ty Trung H, không còn liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Trung H, nhận thấy: Tại hợp đồng bảo lãnh tài sản số 111214-1227072-01- SME/HĐBL ngày 12/12/2014 được ký kết giữa nguyên đơn và ông Hoàng Văn T là hợp pháp được quy định tại Điều 1: *“Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 111214-1227072-01- SME ngày 12/12/2014 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác bao gồm cả phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan”*. Do vậy, yêu cầu của ông Hoàng Văn T là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Trường hợp các tài sản bảo đảm trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Trung H vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty Trung H tại VPBank, thì VPBank có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là: Ông Đỗ Trung H, ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty Trung H tại các Hợp đồng tín dụng số 111214-1227072-01- SME ngày 12/12/2014; số 241214-1227072-01-SME ngày 05/01/2015; số 210715-1227072-01-SME ngày 23/7/2015; số 230116-1227072-01-SME ngày 25/01/2016; số 300316-1227072-01-SME ngày 30/3/2016; số 280416-1227072-01-SME ngày 28/4/2016 (Theo Hợp đồng bảo lãnh số 111214-1227072-01- SME/HĐBL ngày 12/12/2014; số 210715-1227072-01-SME/HĐBL ngày 23/7/2015). Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo trên của VPBank là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí:

[12] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

[12] Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa

chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: “Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy cần áp dụng Án lệ 08/2016/AL để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 121, 122, 124, 323, 342, 351, 355, 471, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/11/2019 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký số 111214-1227072-01-SME ngày 12/12/2014; số 241214-1227072-01-SME ngày 05/01/2015; số 210715-1227072-01-SME ngày 23/7/2015; số 230116-1227072-01-SME ngày 25/01/2016; số 300316-1227072-01-SME ngày 30/3/2016; số 280416-1227072-01-SME ngày 28/4/2016 với tổng số tiền nợ là 3.023.234.420 đồng (ba tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm hai mươi) đồng; trong đó:

- Nợ gốc: 2.153.090.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 17.380.873 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 852.763.547 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, thì khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đề nghị Cơ quan thi hành án phát mại bốn (04) tài sản bảo đảm dưới đây để thu hồi nợ:

Tài sản 1: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C-114.57, số khung 7HH3EY201065 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006520 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/12/2014 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H.

Tài sản 2: 01 xe đầu kéo nhãn hiệu DAYUN, BKS: 15C- 116.04, số khung 7HH7EY 200937, số máy 26P14J009002 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007314 do phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/2014 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H;

Tài sản 3: 01 xe đầu kéo, nhãn hiệu FAW, BKS: 15C-158.33, số khung: ULB9FAD03202 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017248 do phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/07/2015 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H;

Tài sản 4: 01 xe Sơ mi Rơ Moóc, nhãn hiệu JUPITER, BKS: 15R-083.27, số khung: NS76F0LTW528 theo giấy chứng nhận đăng ký Sơ mi Rơ Moóc số 009086

do phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/3/2016 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H.

1.3. Đồng thời, khi phát hiện thấy sáu (06) tài sản thế chấp dưới đây của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vđề nghị khi nào tìm thấy các tài sản này thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vcó quyền nộp bổ sung yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại để tiếp tục xử lý thu hồi nợ gồm các tài sản bảo đảm sau:

Tài sản 1: 01 xe Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-051.95; số khung 3GE8EOTJV979 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơ mi Rơ Moóc số 001764 do phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/2014 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H;

Tài sản 2: 01 xe Sơ mi Rơ moóc, nhãn hiệu DALI, BKS: 15R-050.83; số khung 3GE6EOTJV978 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơ mi Rơ Moóc số 001753 do phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/2014 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H;

Tài sản 3: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROSTAR, BKS: 15C-199.24, số khung SJR6CN6084454 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028912 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/03/2016 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H;

Tài sản 4: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL PROTAR, BKS: 15C-198.43, số khung SJR7CN467826 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028909 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/03/2016 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H;

Tài sản 5: 01 xe Sơ mi Rơ moóc nhãn hiệu JDALISHI, BKS: 15R-108.84, số khung KC8XG11NS022 theo giấy chứng nhận đăng ký Sơ mi Rơ moóc số 009271 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/03/2016 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H;

Tài sản 6: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SORENTO, BKS: 15A-247.16 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030560 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/04/2016 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H.

(Theo các Hợp đồng thế chấp số: Số 111214-1227072-01-SME/TC ngày 11/12/2014; số 241214-1227072-01-SME/TC ngày 05/01/2015; số 210715-1227072- 01- SME/TC ngày 23/7/2015; số 300316-1227072-01-SME/TC ngày 30/3/2016; số 280416-1227072-01-SME/TC ngày 28/4/2016).

1.4. Trường hợp sau khi xử lý xong hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung H vẫn chưa thanh toán hết các khoản nợ, thì Ngân

hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung Hải để thu hồi nợ.

1.5. Trong trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung Hải chưa thanh toán hết các khoản nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung Hải tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Đỗ Trung H và ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung Hải tại các Hợp đồng tín dụng số 111214-1227072-01-SME ngày 12/12/2014; số 241214-1227072-01-SME ngày 05/01/2015; số 210715-1227072-01-SME ngày 23/7/2015; số 230116-1227072-01-SME ngày 25/01/2016; số 300316-1227072-01-SME ngày 30/3/2016; số 280416-1227072-01-SME ngày 28/4/2016 và theo Hợp đồng bảo lãnh số 111214-1227072-01-SME/HĐBL ngày 12/12/2014; số 210715-1227072- 01- SME/HĐBL ngày 23/7/2015.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung Hải phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 92.462.695 (chín mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi lăm) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 43.202.000 (bốn mươi ba triệu, hai trăm linh hai nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015748 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Trung Hải, ông Đỗ Trung H, ông Hoàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THA dân sự quận Ngô Quyền;
- Đường sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THA dân sự quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

